

Bản án số: 37/2020/DS-PT
Ngày 22-5-2020

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế
và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21, 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng P, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Quốc H - Văn phòng Luật sư I thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, địa chỉ: Đường T, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Đồng bị đơn

1. Ông Đặng Quý H, sinh năm 1962, địa chỉ: Đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Đặng Quý C, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1952, địa chỉ: Đường B, khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H: Bà Đặng Hồng P, địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt

2. Ông Đặng Quý T (tức Đặng Quý T ; Đặng Văn C, Đặng Quốc C, Đặng Văn T), sinh năm 1960, địa chỉ: Đường B, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1964, địa chỉ: Đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Anh Đặng Quý Đ, sinh năm 1983, địa chỉ: Đường B, khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Chị Triệu Thị Thanh T, sinh năm 1981, địa chỉ: Đường B, khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Anh Đặng Quý T1, sinh năm 1986, địa chỉ: Đường B, khu N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

8. Anh Đặng Quý M, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

9. Chị Đặng Thanh L, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

10. Chị Đặng Thị Hồng O, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

11. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện H: Ông Long Văn S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H: Ông Vũ Thành D - Chuyên viên Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

13. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân xã Y: Bà Nguyễn Thị Lệ D - Cán bộ Địa chính xây dựng xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

14. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo pháp luật Ủy ban nhân dân xã Y: Ông Triệu Đức C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

15. Ông Nguyễn Văn N, địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

16. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1931 và anh Tạ Văn Đ, cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cả hai đều vắng mặt.

17. Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T, cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cả hai đều vắng mặt.

18. Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

19. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

20. Bà Nguyễn Thị T1, địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

21. Ông Tạ Văn H; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

22. Ông Đặng Văn H1, địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

23. Ông Nguyễn Văn L và bà Đào Thị C, cùng địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cả hai đều vắng mặt.

24. Ông Lê Xuân H, địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

25. Ông Đặng Quý S (tức Đặng Huy S), sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

26. Bà Nguyễn Thị H và ông Lương Văn L, cùng địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cả hai đều vắng mặt.

27. Ông Đặng Quý S1, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, có mặt.

28. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, có mặt.

29. Chị Đặng Thị M, sinh năm 1985, địa chỉ: Đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Hồng P là nguyên đơn, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Đặng Quý H1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị A sinh được 08 người con gồm: Ông Đặng Quý B (sinh năm 1943 - chết tháng 2/2018; có 03 người con là Đặng Thị X, Đặng Quý S1 và Đặng Thị M), bà Đặng Thị N (sinh năm 1946 – chết năm 1951, không có người con nào), bà Đặng Thị H, ông Đặng Quý C, bà Đặng Hồng P, ông Đặng Quý T, ông Đặng Quý H và bà Đặng Thị Y. Năm 2003, cụ Đặng Quý H1 chết và năm 2010, cụ Nguyễn Thị A chết.

Tại đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Đặng Hồng P trình bày: Bố mẹ bà chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính gì; chi phí mai táng phí đã thực hiện. Vì vậy, bà khởi kiện ông Đặng Quý H, Đặng Quý C yêu cầu chia tài sản của bố mẹ để lại, chia theo pháp luật cho bảy anh chị em gồm: Đặng Thị H, Đặng Quý C, Đặng Hồng P, Đặng Quý T, Đặng Quý H, Đặng Thị Y và một suất cho ba người con của ông Đặng Quý Bá, chia bằng hiện vật. Cụ thể bố mẹ bà khi chết để lại những tài sản sau:

- Đất lân, bãi, ruộng do gia đình khai phá tại xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là xã Y), bao gồm:

+ Các thửa đất được nêu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C.

+ Các thửa đất được nêu trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243908, BG 243909, BG 243910 cùng cấp ngày 18/02/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C.

+ Các thửa đất được nêu trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 579179, BK 579180 cùng cấp ngày 27/9/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C, bà Hoàng Thị Y.

+ Các thửa đất ông Đặng Quý C đã bán như: Đất tại khu B bán cho gia đình ông Lê Xuân H; đất chuồng lợn bán cho ông Tạ Văn H, đất khu N bán cho ông Nguyễn Khắc S, thửa đất bán cho ông Trần Xuân C, đất khu ruộng xx sào bán cho bà Nguyễn Thị X, đất khu bên Suối bán cho gia đình bà Đào Thị C – ông Nguyễn Văn L, đất khu dưới 5 sào bán cho gia đình ông Nguyễn Văn N, đất khu cửa đập bán cho vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T1 – L, đất khu Sào xx bán cho gia đình ông Đặng Văn H; đất tại xã Y1 bán cho các ông Đặng Quý S, Lương Văn L1; các thửa đất trên bà không biết cụ thể số thửa, tờ bản đồ và bán từ khi nào, bà cũng không biết.

+ Một số thửa đất ông Đặng Quý C đang sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Thửa đất số 28 tờ bản đồ số 91 có diện tích 241,6m²; thửa đất số 19, tờ bản đồ số 91 diện tích 262,2m² xã Y; thửa đất số 50, 52 tờ bản đồ 01 (nay là thửa đất số 109 tờ bản đồ 91) có tổng diện tích 8.903,4m² đã bị nhà nước thu hồi 2.876m² còn lại 6.027,4 m².

+ Số tiền 532.424.000 đồng được đền bù khi thu hồi đất tại xã Y do ông Đặng Quý C nhận và sử dụng.

- Đất tại xã Y1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là xã Y1) mà ông Đặng Quý C đã bán cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Đào Thị C chồng là ông L, bà không biết họ đệm (trước đây toàn bộ đất của gia đình bà đều thuộc xã Y, nay lại có một phần thuộc xã Y1 bà không biết vì sao).

- Đất tại khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là khu N) có 2.315m² gồm: Thửa đất số 03 diện tích 1.915m² và thửa đất số 05 (ao) diện tích 400m², đều thuộc tờ bản đồ số 41, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố là Đặng Quý H1, hiện ông Đặng Quý H đang quản lý, sử dụng. Trên đất có 01 ngôi nhà gỗ 5 gian, 02 buồng be bằng gỗ đình và một số cây ăn quả như: Mít, Nhãn, Bưởi, Vải Thiều...

Đất tại khu N khi chia phải để lại một con đường đi chung rộng 3m cho các hộ phía trong. Còn ngôi nhà gỗ 5 gian không chia mà để chuyển về quê tại thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội làm nhà thờ cúng sau này. Các cây trên đất của ai được chia thì người đó hưởng không yêu cầu chia. Ngoài ra, bà còn yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số BG 243908, BG 243909, BG 243910 cấp cùng ngày 18/02/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C; số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C; số BK 579179 và BK 579180 cấp cùng ngày 27/9/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C, bà Hoàng Thị Y. Tất cả đều do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Đặng Quý H trình bày:
Khi bố, mẹ ông chết có để lại di chúc, phân chia tài sản cho các con trai gồm: Ông Đặng Quý C được chia toàn bộ đất tại xã Y; ông được chia toàn bộ nhà, đất, tài sản trên đất và 02 cái ao tại khu N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố và mẹ; ông Đặng Quý T được chia 1.585m² đất tại khu N và ông Đặng Quý T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong di chúc của bố, mẹ còn nêu rõ các con gái đi xây dựng gia đình không chia tài sản, ông Đặng Quý B lập gia đình sớm ở riêng tại Hà Nội không chia. Chúc thư của bố và di chúc của mẹ đều được lập bằng văn bản, có người làm chứng, có xác nhận của Trưởng khu N và Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đúng quy định. Bản chúc thư của bố và di chúc của mẹ đều có nội dung như nhau, bố mẹ ông đã định đoạt chia các phần đất như hiện nay cho ba anh em ông là ông Đặng Quý C, ông Đặng Quý T và ông đang quản lý, sử dụng thực tế. Tuy nhiên, do có sự bất hòa trong gia đình giữa mẹ và ông Đặng Quý T nên năm 2009, mẹ ông có yêu cầu cháu Đặng Quý T1 sửa lại một phần trong bản di chúc phân định đoạt tài sản cho ông Đặng Quý C. Nhưng phần tài sản này ông Đặng Quý C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước khi mẹ ông sửa di chúc.

Nay bà Đặng Hồng P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, ông không đồng ý vì bố mẹ ông chết có để lại di chúc nên đề nghị Tòa án công nhận di chúc của bố, mẹ để lại là hợp pháp. Đối với yêu cầu hủy 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đặng Hồng P đang yêu cầu, ông không chấp nhận và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng P.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Đặng Quý C trình bày:

Đất tại khu N, từ khi còn sống bố mẹ đã chia một phần cho ông Đặng Quý C và ông Đặng Quý C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại là 2.315m² trên đất có 01 ngôi nhà gỗ 5 gian và một số cây ăn quả vẫn do bố mẹ quản lý. Sau khi bố, mẹ chết, bố có để lại “Chúc thư” và mẹ để lại “Di chúc”, cả bố và mẹ đã định đoạt một phần đất tại khu N chia cho ông Đặng Quý T chính là phần ông Đặng Quý T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại giao hết cho ông Đặng Quý H quản lý, canh tác; phần trong xã Y, xã Y1 là chia cho ông toàn bộ. Ông đã quản lý, sử dụng canh tác ổn định từ đó đến nay, không có ai tranh chấp, hàng năm ông vẫn nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ, các anh em trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì. Ông đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân huyện H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại xã Y. Năm 1993, mẹ ông bán một mảnh đất khoảng 4 sào cạnh nhà tại xã Y1 cho ông Lê Xuân Y và bảo ông viết giấy mua bán là “*giấy bán công cải tạo đất đoạn mai*”, còn bản thân ông không được bán phần đất nào tại đây. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng P và khẳng định đất tại xã Y, xã Y1 là của bố mẹ đã chia cho ông từ khi bố mẹ còn sống, không còn là di sản thừa kế.

Đối với thửa đất số 26 là thửa đất ao tại khu N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết tranh chấp giữa mẹ ông với ông Đặng Quý T và quyết định trả lại đất ao cho mẹ ông, nên mẹ ông mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tại di chúc của mẹ cũng đã định đoạt chia cho ông Đặng Quý H thửa đất này và hiện ông Đặng Quý H vẫn đang quản lý sử dụng. Nay ông Đặng Quý T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Nguyễn Thị A đối với thửa đất số 26, ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Đặng Quý T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Đặng Quý T khai: Bố mẹ ông chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính gì. Chi phí mai táng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nay ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng P, yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ thành bảy phần bằng nhau cho sáu anh chị em mỗi người một phần, một phần còn lại chia cho ba người con của ông Đặng Quý B; yêu cầu chia bằng hiện vật, riêng ngôi nhà gỗ 5 gian không chia mà chuyển về quê làm nhà thờ cúng sau này.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 của Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho cụ Nguyễn Thị A ngày 16/6/2009 tọa tại khu N mà ông khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng nhập vào cùng một vụ án dân sự để giải quyết, ông không đồng ý. Lý do ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị A là do thửa đất số 26 tờ bản đồ số 14, diện tích 1.663m² là đất của ông đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, nay lại cấp cho bà Nguyễn Thị A là không đúng đối tượng.

Bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y nhất trí với quan điểm của bà Đặng Hồng P và đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

Bà Đặng Thị X, ông Đặng Quý S1 và bà Đặng Thị M (là các con của ông Đặng Quý B), các anh chị không có ý kiến, yêu cầu gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Anh Đặng Quý Đ trình bày: Anh là con trai của ông Đặng Quý C, năm 1991 anh ra ở với ông bà nội là ông Đặng Quý H1 và bà Nguyễn Thị A tại khu N. Hiện tại, anh vẫn ở nhờ và kinh doanh làm bánh mỳ tại đây. Toàn bộ đất tại xã Y, xã Y1, ông bà nội đã giao cho bố anh là Đặng Quý C quản lý, canh tác từ khi ông bà còn sống; còn nhà, đất tại khu N một phần là của chú Đặng Quý H, một phần là của chú Đặng Quý C cũng đã được ông bà chia cho từ khi ông bà còn sống, phần chú Đặng Quý C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần chú Đặng Quý H hiện nay vẫn đứng tên ông, bà. Đối với thửa đất số 26, chú Đặng Quý C đang khởi kiện hành chính, anh không biết nằm ở vị trí nào tại khu N vì toàn bộ đất tại khu N hiện chỉ có chú Đặng Quý H và chú Đặng Quý C quản lý. Anh không có liên quan gì đến vụ án, anh chỉ ở nhờ trên đất ông Đặng Quý H, nếu ông Đặng Quý H yêu cầu anh chuyển thì anh sẽ dọn đi nơi khác, anh không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Chị Triệu Thị Thanh T trình bày: Chị là con dâu ông Đặng Quý C, là vợ anh Đặng Quý Đ. Hiện nay, vợ chồng chị đang ở nhờ và trông nom nhà cửa cho ông Đặng Quý H tại khu N và kinh doanh làm bánh mì tại đây. Nếu ông Đặng Quý H yêu cầu gia đình chị chuyển đi thì vợ chồng chị sẽ chuyển đi nơi khác và không có yêu cầu gì.

Anh Đặng Quý T1 trình bày: Anh là con trai của ông Đặng Quý C. Đối với bản chúc thư của ông nội thì anh không được biết, còn bản di chúc của bà nội thì anh là người viết. Nội dung di chúc là do bà nội đọc cho anh viết, có sự chứng kiến của các ông Nguyễn Văn H, ông Nông Đức L, ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Hồng Đ và chị Nguyễn Thị N. Bà nội đọc di chúc cho anh viết trong trạng thái ngồi và đầu óc hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo và bà còn yêu cầu anh viết địa chỉ là “L Đ” chứ không phải “N Đ” để giống với địa chỉ trong chúc thư của ông nội. Sau khi viết xong di chúc, anh đã đọc lại cho tất cả mọi người cùng nghe và cùng ký chứng kiến ngay sau khi lập xong di chúc, ông Nguyễn Hồng Đ là Trưởng khu N cũng ký xác nhận ngay tại đó. Khoảng một tháng sau, anh đưa bà nội ra Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân thị trấn H) để chứng thực bản di chúc. Ông Ninh Ngọc T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã đọc lại từng điều, bà đồng ý, không sửa đổi bổ sung gì và Chủ tịch đã ký xác nhận chứng thực di chúc là hợp lệ. Anh khẳng định nội dung di chúc của bà Nguyễn Thị A là hoàn toàn hợp pháp, đúng ý nguyện của bà và không bị ai ép buộc. Khoảng một năm sau, bà Nguyễn Thị A yêu cầu anh sửa nội dung tại phần ba trong bản di chúc đối với phần tài sản chia cho ông Đặng Quý T, sửa lại là cho anh Đặng Quý Đ vì ông Đặng Quý T bất hiếu với bà. Anh đã sửa di chúc theo đúng ý nguyện của bà, lần sửa đổi này thì không có ai chứng kiến và do bận việc nên anh cũng không nhớ

đưa bà đi lấy xác nhận vào nội dung đã sửa trong di chúc. Sau mỗi lần viết, sửa xong di chúc thì anh đưa lại cho bà nội, việc tại sao có 02 di chúc nội dung có chỗ khác nhau thì anh không giải thích được.

Bà Hoàng Thị Y trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Quý C, từ khi về sống chung, toàn bộ tài sản ở xã Y hai vợ chồng đã cùng nhau canh tác, tạo dựng kinh tế và vẫn giữ nguyên hiện trạng không chuyển nhượng thửa đất nào cho ai. Năm 2013, bà có được đứng tên trong hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông Đặng Quý C. Nay bà nhất trí với quan điểm của ông Đặng Quý C đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị B, anh Đặng Quý M, ông Đặng Thanh L, bà Đặng Thị Hồng O đã có văn bản ủy quyền toàn bộ cho anh Đặng Quý T1 tham gia tố tụng nên không cung cấp lời khai theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông được mua 5 sào đất tại khu vực G, thôn S, xã Y1 với ông Đặng Quý C vào năm 2001 với giá là 2.500.000 đồng, khi mua có lập giấy mua bán viết tay. Sau đó, ông đã gộp chung phần đất trên với một phần đất ruộng của ông, năm 2004, ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định không có ai tranh chấp. Đây là đất của ông không liên quan đến vụ án nên đề nghị từ chối tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị X và anh Tạ Văn Đ trình bày: Bà được mua đất với ông Đặng Quý H1 diện tích đất là 5 sào nhưng bà không nhớ mua vào thời gian nào; khi mua hai bên có làm giấy tờ mua bán, tuy nhiên, thời gian đã lâu nên giấy tờ đã bị thất lạc không cung cấp được cho Tòa án. Nay con trai bà là Tạ Văn Đ đang quản lý sử dụng phần diện tích đất trên và cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tạ Văn Đ. Đây là đất của gia đình bà không liên quan đến vụ án nên đề nghị từ chối tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C (chồng) trình bày: Gia đình bà có được mua đất tại thôn N, xã Y với ông Đặng Quý H1 và bà Nguyễn Thị A vào khoảng năm 1988 – 1989, diện tích khoảng 500m², khi mua có làm giấy tờ mua bán nhưng đã thất lạc, sau đó, gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện mảnh đất này, bà đã cho con trai là Trần Văn C quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Đây là đất của gia đình bà không liên quan đến vụ án nên đề nghị từ chối tham gia tố tụng.

Ông Nguyễn Khắc S trình bày: Ông có được mua đất tại thôn N, xã Y với ông Đỗ Trí H (sống tại huyện K, tỉnh H) từ năm 2009 - 2010, lúc mua có làm giấy tờ viết tay và có người làm chứng là ông Đặng Quý C. Mảnh đất trên ông Đỗ Trí H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông, với diện tích hơn 3.700m² cấp năm 2007, nay không liên quan đến vụ án, ông từ chối tham gia tố tụng.

Ông Đặng Văn H trình bày: Ông không được mua bán đất với gia đình bà Đặng Hồng P, ông Đặng Quý C, ông không liên quan gì trong vụ án và ông từ chối tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Gia đình bà mua hai thửa đất số 89 và thửa số 97 đều thuộc tờ bản đồ số 68 bản đồ địa chính xã Y1 của ông Đặng Quý H1, vợ là Nguyễn Thị A vào năm 1986 (khoảng 1,1 mẫu tại khu Núi xx), khi mua có lập giấy tờ mua bán do chồng bà lưu giữ, giấy mua có chữ ký của ông Đặng Quý H ký làm chứng. Năm 2009, chồng bà chết, giấy mua bán đã bị thất lạc. Hiện nay, hai thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003. Năm 1994 – 1995, gia đình bà đã đổi khu đất này với ông Tạ Văn H để lấy ruộng cấy, nay không còn liên quan gì trong vụ án. Tòa án triệu tập ông Tạ Văn H tham gia tố tụng, tuy nhiên ông Tạ Văn H không đến Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2019, Ủy ban nhân dân xã Y cho biết: Ông Tạ Văn H hiện không còn cư trú, sinh sống trên địa bàn thôn N, xã Y mà đã chuyển khẩu đi khỏi địa phương và chuyển nhượng toàn bộ đất đai, nhà cửa tại thôn N cho ông Đỗ Chí H, ông Đỗ Chí H lại chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc S là người cùng thôn.

Anh Đặng Văn H1 trình bày: Gia đình anh được mua thửa đất số 49, tờ bản đồ 68 có diện tích 835m² với gia đình ông Lương Văn L, có lập giấy mua bán viết tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mua thời gian nào nay anh không nhớ, gia đình đã sử dụng ổn định khoảng năm năm nay không có tranh chấp với ai. Gia đình anh không được mua thửa đất nào với gia đình ông Đặng Quý H1, bà Nguyễn Thị A, không liên quan đến vụ án nên từ chối tham gia tố tụng.

Ông Nguyễn Văn L và bà Đào Thị C trình bày: Khoảng năm 1997 – 1998, gia đình ông bà có được mua một thửa đất với anh Đình Trung K vợ là Vi Thị H diện tích khoảng 2 sào có giấy mua bán, nay gia đình ông bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà biết nguồn gốc đất là mua của gia đình ông Đặng Quý H1, thủ tục như thế nào ông bà không biết. Ông bà khẳng định không được mua đất với gia đình ông Đặng Quý H1, bà Nguyễn Thị A, ông bà không liên quan gì trong vụ án nên từ chối tham gia tố tụng.

Anh Lê Xuân H trình bày: Bố anh là ông Lê Xuân Y trước đây có mua một mảnh đất với ông Đặng Quý H1, diện tích khoảng 3 đến 4 sào tại khu B. Khi mua có làm giấy tờ viết tay, sự việc trên anh có được nghe bố mẹ nói lại khi ông bà còn sống nên anh biết như vậy, còn cụ thể thời gian mua năm nào anh không biết. Gia đình anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này, nay gia đình anh không liên quan gì đến vụ án nên từ chối tham gia tố tụng.

Ông Đặng Quý S (tức Đặng Huy S) trình bày: Thửa đất số 41, tờ bản đồ 68 diện tích 780m² tại thôn S, xã Y1 là do ông mua với ông Đặng Quý C vào năm 1990. Khi mua có làm giấy viết tay, đến năm 1998, gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần hai vào năm 2004 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 454359, nay không liên quan gì đến vụ án nên ông từ chối tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị H (vợ ông Lương Văn L) trình bày: Gia đình bà có thửa đất số 49, tờ bản đồ 68 do nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn C vào khoảng năm 2001 và bà được biết thửa đất này ông Trần Văn C mua của ông Đặng Quý H1 nhưng bà không biết ông Trần Văn C mua năm nào. Sau khi mua với ông Trần Văn C, gia đình bà sử dụng một thời gian và chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H1, thủ tục chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H1 như thế nào bà không biết vì do chồng bà thực hiện. Bà Nguyễn Thị H khẳng định thửa đất trên hiện không còn là của gia đình nhà bà. Gia đình bà không liên quan gì đến vụ án nên từ chối tham gia tố tụng.

Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 143908; BG 243909 và BG 243910 cấp cùng ngày 18/02/2013 đều mang tên ông Đặng Quý C, ông Đặng Quý C được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 ngày 20/02/1997 với tổng diện tích là 20.838m². Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 579179 và BK 579180 cùng cấp ngày 27/9/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C, bà Hoàng Thị Y là cấp mới lần đầu. Việc cấp đổi, cấp mới đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện đã cấp đúng đối tượng, thực hiện cấp đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo pháp luật quy định, do đó không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Hồng P đề nghị hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 cho ông Đặng Quý C, tuy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên Ủy ban nhân dân huyện chưa tìm thấy nhưng Ủy ban nhân dân huyện khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên Ủy ban nhân dân huyện H đã thực hiện cấp đúng trình tự thủ tục, cấp đúng đối tượng, đúng thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trình bày: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243908, BG 243908, BG 243908 đều mang tên ông Đặng Quý C do Ủy ban nhân dân huyện H cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 của ông Đặng Quý C. 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BK 579179, BK 579180 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/9/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C, bà Hoàng Thị Y.

Thửa đất số 109, diện tích 8.903,4m² thuộc tờ bản đồ số 91 bản đồ địa chính xã Y, trước đây thuộc thửa đất số 50 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 13 bản đồ giải thửa xã Y, năm 1997 ông Đặng Quý C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay phần diện tích đất trên đã chuyển đổi sang là thửa đất số 109 tờ bản đồ số 91 nhưng chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 28 tờ bản đồ 91 diện tích 241,6 m² và thửa đất số 19 tờ bản đồ 91 diện tích 262,2m² tại thôn N, xã Y: Căn cứ bản đồ đo đạc năm 1988 và sổ mục kê ruộng đất năm 1990 của xã còn lưu giữ, không thấy thể hiện 02 thửa đất này trước đây do ai khai phá, quản lý, sử dụng. Đến năm 2010, xã Y đo lập bản đồ địa

chính, tại Sổ mục kê ruộng đất năm 2014 thể hiện 02 thửa đất trên do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý, nhưng qua trao đổi với Trưởng thôn N thì hiện nay hai thửa đất này đang do ông Đặng Quý C sử dụng và 02 thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất chưa có quy hoạch xây dựng công trình gì, đang có tranh chấp trong vụ án, nên theo quy định thì chưa đủ điều kiện xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C, thì các thửa đất trong Giấy chứng nhận này nay có sự thay đổi như sau:

Các thửa đất số 13, 14, 15, 16 tờ bản đồ số 10, nay là thửa số 49 có diện tích 1.471,6m² đất; thửa đất số 26 tờ bản đồ số 10, nay là thửa đất số 42 có diện tích 254,3m² đất; thửa đất số 22 tờ bản đồ số 10, nay là thửa đất số 43 có diện tích 717,4m² đất; các thửa đất số 24, 25 tờ bản đồ số 10, nay là thửa đất số 35 có diện tích 658,6m² đất; thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10, nay là thửa đất số 36 có diện tích 1.058,6m², tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 89 bản đồ địa chính xã Y, nay đã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243909 cấp ngày 18/02/2013 mang tên ông Đặng Quý C.

Các thửa số 17, 18, 19, 20, 21, 27, 28 tờ bản đồ số 10, nay là thửa số 56 tờ bản đồ số 89 bản đồ địa chính xã Y, có diện tích 5.156,3m² đã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243910 cấp ngày 18/02/2013 mang tên ông Đặng Quý C.

Các thửa số 50, 52 tờ bản đồ số 01 nêu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 ngày 20/02/1997 đã có sự sai sót về tờ bản đồ. Thực tế hai thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 13 bản đồ giải thửa năm 1988, nay chuyển đổi thành thửa đất số 109 tờ bản đồ số 91, diện tích 8.903,4m², đã bị thu hồi diện tích 2.487,6m² làm trường bắn, diện tích còn lại hiện nay là 6.415,8m², mục đích là đất trồng cây hàng năm, do ông Đặng Quý C quản lý, sử dụng và chưa cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thời điểm cấp đổi chưa xác định được thuộc thửa đất nào trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 2010.

Phần diện tích 400m² đất thổ cư thuộc tờ bản đồ số 10 nêu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 nay là thửa đất số 31 tờ bản đồ số 89 bản đồ địa chính xã Y, có diện tích 751,2m², đã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243908, cấp ngày 18/02/2013 mang tên ông Đặng Quý C. Phần diện tích đất có sự thay đổi từ 400m² lên 751,2m² là do hạn mức đất thổ cư được cấp năm 1997 tối đa là 400m² như đã ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, ngày 15/5/2018 Tòa án tiến hành thẩm định xác định diện tích đất ở hiện nay gia đình ông Đặng Quý C đang quản lý, sử dụng là 751,2m².

Các thửa đất số 9, 10, 11, 12, 33, 34 tờ bản đồ số 10 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 nay thuộc về xã Y1, huyện H quản lý. Theo bản đồ giải thửa năm 1988 của xã Y, huyện H có thể hiện

các thửa đất trên, nhưng đến năm 2003 đo đạc bản đồ địa chính xã Y1 thì các thửa đất này được đo vẽ bản đồ địa chính xã Y1.

Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Năm 2003, xã Y1 đo đạc bản đồ địa chính và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính tại thôn S, xã Y1. Trong bảng thông kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng xã Y1 xác định: Thửa đất số 56, tờ bản đồ 68 bản đồ địa chính xã thể hiện diện tích 1.406m² là loại đất Q, phần ghi chủ sử dụng là Y xâm canh, thửa đất chưa quy chủ cho ai và chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, qua xác minh thì thửa đất hiện do ông Đặng Quý C sử dụng.

Tại Công văn số 55/CV-UBND ngày 14/10/2019 Ủy ban nhân dân xã Y1 cho biết: Qua kiểm tra các loại sổ sách quản lý về đất đai tại xã cho thấy không có tên ông Đặng Quý H1, vợ là Nguyễn Thị A đăng ký, kê khai sử dụng thửa đất nào tại xã Y1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn từ trước đến nay.

Căn cứ bản đồ địa chính xã Y1 được đo đạc năm 2003, sổ mục kê và sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 68, diện tích 780m² do ông Đặng Quý S1 kê khai quản lý sử dụng từ năm 2003 đến nay và ông Đặng Quý S1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này vào năm 2004 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA454359. Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 68, diện tích 835m² do ông Lương Văn L kê khai quản lý sử dụng từ năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004. Sau đó, ông Lương Văn L chuyển nhượng thửa đất này cho ông Đặng Văn H. Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.035m² do ông Nguyễn Văn N kê khai quản lý sử dụng từ năm 2003 đến năm 2004 được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA454384. Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 68, diện tích 441m² và thửa đất số 97 tờ bản đồ số 68 có diện tích 625m², hiện do ông Phạm Vũ L vợ là Nguyễn Thị T1 kê khai quản lý sử dụng từ năm 2003, đến năm 2004 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại sổ theo dõi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số thửa đất không ghi cụ thể số giấy chứng nhận, ngày tháng cấp giấy chứng nhận và hiện Ủy ban nhân dân xã cũng không lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân nêu trên nên không có đề cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Áp dụng các Điều 649; 652; khoản 2, 3 Điều 653; các Điều 655; Điều 659; khoản 1, 3, 4 Điều 670 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Các Điều 646; khoản 2, 4 Điều 650; các Điều 652; 656; 657; khoản 1, 3, 4 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 74; khoản 1,5 Điều 147; Điều 157; các Điều 165; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng P gồm yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A theo pháp luật và yêu cầu hủy 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 579179, BK 579180 cấp cho hộ ông Đặng Quý C, bà Hoàng Thị Y cùng ngày 27/9/2013; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243908 mang tên ông Đặng Quý C, số BG 243909 mang tên hộ ông Đặng Quý C, số BG 243910 mang tên hộ ông Đặng Quý C, cấp cùng ngày 18/02/2013.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập về hành chính của ông Đặng Quý T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp cho cụ Nguyễn Thị A ngày 16/6/2009.

3. Công nhận chúc thư của cụ Đặng Quý H1 lập ngày 12/4/2002 và di chúc của cụ Nguyễn Thị A lập ngày 09/6/2009 là hợp pháp và chia tài sản thừa kế theo di chúc, trừ phần di chúc bị vô hiệu và phần tài sản không còn là di sản thừa kế tại thời điểm cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A chết, cụ thể: Ông Đặng Quý H được hưởng các tài sản gồm:

Toàn bộ tài sản là nhà, đất, tài sản trên đất tại khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C191871 cấp ngày 15/11/1993 mang tên cụ Đặng Quý H1, gồm 02 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 03 diện tích 1.915m², tờ bản đồ số 41 (trong đó có 150m² đất ở và 1.765m² đất vườn) hiện nay là thửa đất số 62 tờ bản đồ 07, tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất hộ ông Công Xuân C dài 70,35m; phía Nam giáp đất hộ ông Đặng Quý T dài 80,45m; phía Tây giáp đường B dài 35,9m; phía Đông giáp đất hộ ông Đặng Quý T dài 7m. Thửa đất số 05 tờ bản đồ số 41, diện tích 400m², là đất Ao, tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất hộ ông Đặng Quý T; phía Nam giáp đất hộ ông Phạm Ngọc X; phía Đông giáp đất hộ ông Đặng Quý T; phía Tây giáp đất hộ ông Đặng Quý T. Trên 02 thửa đất có các tài sản như: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 1982 được nâng cấp sửa chữa lại vào năm 2016; tường xây gạch, mái lợp ngói đỏ, nền lát gạch hoa, khung cột nhà xà, kèo hoành nghiêng, cửa đi cửa sổ trần gỗ Đinh, sân trước nhà, nhà kho, nhà tắm, tường rào, giếng khoan, cổng sắt. Trên đất có 35 cây Nhãn, 13 cây Đào, 01 cây Sấu, 03 cây Xoài, 03 cây Cau, 03 cây Quất hồng bì, 08 cây Si, 04 cây Chuối, 12 cây Vải, 02 cây Táo, 01 cây Chanh, 02 cây Bưởi, 24 cây Hoàng Đàn, 01 cây Hồng Xiêm, 01 cây Sưa, 05 cây Mít, 01 cây Đào tiên.

Tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 cấp ngày 16/6/2009 mang tên cụ Nguyễn Thị A là thửa đất số 26 diện tích 1.663m² là đất nuôi trồng thủy sản, thuộc tờ bản đồ số 14 thị trấn H, huyện H. Tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất số 05; phía Nam giáp đất hộ ông O; phía Đông giáp thửa đất số 05; phía Tây giáp đất hộ ông Lợi, hộ bà T, hộ ông N, hộ ông H và hộ ông Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bà Đặng Hồng P là nguyên đơn, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giải quyết lại vụ án một cách khách quan, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

Bà Đặng Hồng P: Chúc thư của cụ Đặng Quý H1 và di chúc của cụ Nguyễn Thị A do ông Đặng Quý H cung cấp đều là di chúc giả, không phải đúng ý nguyện của bố mẹ. Các anh em trong gia đình đều có công sức khai phá, quản lý, tôn tạo khối tài sản của bố mẹ để lại. Do đó, bà đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế các tài sản của bố mẹ tôi để lại theo pháp luật cho bảy anh em trong gia đình. Đối với các thửa đất ông Đặng Quý C đã tự ý bán đi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Quý T: Tôi đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế các tài sản của bố mẹ tôi để lại theo pháp luật cho bảy anh em trong gia đình. Đối với thửa đất ao đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị A, ông đề nghị được quản lý sử dụng, vì đất ao là ông vay tiền của bà Đặng Hồng P mua với ông Nguyễn Ngọc T và cũng đã được Ủy ban nhân dân thị trấn H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Đặng Thị Y nhất trí với ý kiến của bà Đặng Hồng P và ông Đặng Quý T đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế các tài sản của bố mẹ theo pháp luật, chia đều cho bảy anh em trong gia đình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Trương Quốc H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng như sau: Bà Đặng Hồng P yêu cầu hủy 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Quý C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ lên tỉnh thụ lý là vi phạm quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Yêu cầu này là nằm trong phạm vi khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm cho rằng vượt quá yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ. Thứ hai, đối với các tài sản của ông Đặng Quý C đã bán cho người thứ ba, họ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ triệu tập cá nhân họ, không triệu tập những người trong hộ gia đình của họ như vậy là thiếu người tham gia tố tụng. Thứ ba, cấp sơ thẩm xác định ông Vũ Thành D – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng P: Phía bị đơn xuất trình bản chúc thư của cụ Đặng Quý H1 và di chúc của cụ Nguyễn Thị A, chủ thể lập di chúc và hình thức di chúc là không đúng quy định nên không đủ điều kiện để coi là hợp pháp.

Về chúc thư của cụ Đặng Quý H1: Hình thức vi phạm Nghị định 76/2000/NĐ-CP về công chúc, chứng thực, chúc thư được viết ngày 12/4/2002 đến ngày 03/5/2002 mới chứng thực. Tại chúc thư có nội dung: “*Đặng Quý C cho một mảnh đất theo giấy chia tài sản ngày 30/5/1993 đất cho để ở không được bán, không cho gì nữa*” tuy nhiên, giấy chia tài sản ngày 30/5/1993 không có chính quyền địa phương xác nhận. Giấy chia tài sản là thành phần không thể tách rời khỏi bản chúc thư, khi xem xét đến chúc thư thì phải xem xét đến giấy chia tài sản. Ngoài ra, khi cụ Đặng Quý H1 lập chúc thư, cụ Nguyễn Thị A vẫn còn sống, cụ Đặng Quý H1 không có quyền định đoạt đối với tài sản của cụ Nguyễn Thị A, như vậy là vi phạm Điều 637, 649, 651 Bộ luật Dân sự 1995. Do đó, chúc thư của cụ Đặng Quý H1 để lại là không có giá trị pháp lý, không hợp pháp. Về di chúc của cụ Nguyễn Thị A: Chúc thư của cụ Đặng Quý H1 không có giá trị pháp lý nên di chúc của cụ Nguyễn Thị A cũng không có giá trị pháp lý về mặt nội dung. Tại thời điểm cụ Nguyễn Thị A lập di chúc thì cụ Nguyễn Thị A chỉ được định đoạt $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung. Do vậy, việc định đoạt tài sản của cụ Nguyễn Thị A là vi phạm Điều 634, 646, 648 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 243908; BG 243909; BG 243910; BK 579179; BK 579180 mang tên ông Đặng Quý C và bà Hoàng Thị Y là cấp đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguồn gốc các thửa đất trên là của cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A, ông Đặng Quý C đứng tên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên từ năm 1997 đến 2013 là thay mặt cho gia đình; không có văn bản nào thể hiện tài sản trên bố mẹ để lại cho ông Đặng Quý C và bà Hoàng Thị Y. Mặt khác, vợ của ông Đặng Quý C là bà Phạm Thị B, bà Hoàng Thị Y chỉ là người làm thuê, không có kết hôn với ông Đặng Quý C nên không phải là vợ hợp pháp của ông Đặng Quý C.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất ông Đặng Quý C đang sử dụng có nguồn gốc do bố mẹ khai phá, nhưng khi bố mẹ còn sống đã chia cho ông Đặng Quý C sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, một số thửa cấp đổi năm 2013. Như vậy, các thửa đất đứng tên ông Đặng Quý C đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997, trước thời điểm cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A chết. Do vậy, đây không còn là di sản thừa kế để chia. Đồng thời, trong chúc thư và di chúc của bố mẹ cũng đã ghi rõ, nên theo Án lệ số 24/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các thửa đất gia đình ông Đặng Quý C được chia từ khi bố

mẹ còn sống, đã sử dụng ổn định và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây không phải là di sản thừa kế.

Đối với diện tích đất ông Đặng Quý S, ông Nguyễn Văn N, ông Lương Văn L, bà Nguyễn Thị T1 đang sử dụng và khai mua với ông Đặng Quý C, cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A. Các thửa đất trên năm 1997, ông Đặng Quý C được Ủy ban nhân dân huyện H cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C, từ đó ông Đặng Quý C được Nhà nước xác lập quyền sử dụng hợp pháp và là tài sản của ông Đặng Quý C, không còn là tài sản, di sản của cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A để chia. Đồng thời, sự chuyển dịch đất vào trước thời điểm cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A chết, do đó việc ông Đặng Quý C, hay cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A chuyển nhượng hoặc tặng cho là do ông Đặng Quý C và bố mẹ thỏa thuận, quyết định, định đoạt.

Đối với việc bà Đặng Hồng P kháng cáo cho rằng không đưa các thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn N tham gia tố tụng là thiếu người liên quan, thấy rằng đất của gia đình ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng của ông Đặng Quý C, cụ Đặng Quý H1, cụ Nguyễn Thị A, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, do đó không phải là di sản thừa kế, nên việc kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí giám định, bà Đặng Hồng P đã nộp tạm ứng 55.000.000 đồng, trong đó: Chi phí giám định là 4.000.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 9.931.000 đồng, nhưng trong phần nhận định và quyết định không nhận định, quyết định trả lại bà Đặng Hồng P số tiền còn lại là thiếu sót, có căn cứ chấp nhận và sửa về phần này.

Đối với kháng cáo của ông Đặng Quý T, thấy rằng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị A, khi bà Nguyễn Thị A chết đây là di sản, khi có tranh chấp di sản thừa kế do người chết để lại nên ông Đặng Quý H yêu cầu giải quyết, do đó yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Đối với diện tích đất trên, ông Đặng Quý T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện H khẳng định không được cấp đất cho ông Đặng Quý T, Ủy ban nhân dân thị trấn tự ý ghi nội dung tại trang 4 Giấy chứng nhận là không đúng thẩm quyền, trái quy định của Luật Đất đai. Năm 2012, ông Đặng Quý T đã biết việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 cho cụ Nguyễn Thị A, đến tháng 7/2018 (6 năm sau) ông Đặng Quý T mới khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng Bản án sơ thẩm không căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết yêu cầu này, do đó cần sửa nội dung phần này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều

308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, họ đã có lời khai, bản tự khai hoặc văn bản ủy quyền tham gia tố tụng. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ trong việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T, thấy rằng:

[4] Cụ Đặng Quý H1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị A sinh được 08 người con gồm: Ông Đặng Quý B (sinh năm 1943 - chết tháng 2/2018; có 03 người con là Đặng Thị X, Đặng Quý S1 và Đặng Thị M), bà Đặng Thị N (sinh năm 1946 – chết năm 1951, không có người con nào), bà Đặng Thị H, ông Đặng Quý C, bà Đặng Hồng P, ông Đặng Quý T, ông Đặng Quý H và bà Đặng Thị Y. Năm 2003, cụ Đặng Quý H1 chết và năm 2010, cụ Nguyễn Thị A chết. Các đương sự phía nguyên đơn cho rằng khi cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A chết không để lại di chúc. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ, tài liệu do phía bị đơn cung cấp, có bản chúc thư của cụ Đặng Quý H1 và bản di chúc của cụ Nguyễn Thị A để lại cụ thể:

[5] Các đương sự kháng cáo cho rằng khi bố mẹ chết không để lại di chúc và nay yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản mà bố mẹ để lại gồm các thửa đất tại khu N, xã Y, xã Y1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6] Đất tại khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn gồm:

[7] Thửa đất số 03 diện tích 1.915m² (trong đó có 150m² đất ở và 1.765m² đất vườn); thửa đất số 05 diện tích 400m² là đất ao, đều thuộc tờ bản đồ số 41, hiện nay là thửa đất số 62 tờ bản đồ 07 bản đồ địa chính thị trấn H. Các thửa đất trên đều đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 919874 ngày 15/11/1993 mang tên ông Đặng Quý H1. Về nguồn gốc các thửa đất trên là tài sản của cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A có trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là di sản thừa kế của các cụ để lại.

[8] Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.663m² là đất nuôi trồng thủy sản, đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 ngày 16/6/2009 cho bà Nguyễn Thị A. Ông Đặng Quý T cho rằng thửa đất trên ông đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/11/1993 mang tên ông Đặng Quốc C. Tại trang 4

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận có nội dung viết tay như sau: “...UBND thị trấn căn cứ vào biên bản nay số diện tích ao 1.200m đã đo ông Trần toàn quyền sử dụng và nộp thuế hàng năm theo luật thuế...” tuy nhiên tại Công văn số 558/UBND-TNMT ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H xác định: “Ủy ban nhân dân huyện H không ghi và không xác nhận nội dung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đặng Quý T được cấp năm 1993. Việc ông T cho rằng Ủy ban nhân dân thị trấn H ghi nội dung trên đồng nghĩa với việc Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân thị trấn tự ý ghi nội dung tại trang 4 giấy chứng nhận là không đúng thẩm quyền, trái quy định của Luật Đất đai”. Xét thấy, Ủy ban nhân dân thị trấn không có thẩm quyền cấp đất do đó việc ông Đặng Quý T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 là không đúng trình tự, thủ tục. Năm 2012, ông Đặng Quý T đã biết việc cụ Nguyễn Thị A được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 đến tháng 7/2018 ông Đặng Quý T mới khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918, như vậy thời hiệu khởi kiện của ông Đặng Quý T không còn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Quý T là không đúng quy định, do đó cần đình chỉ giải quyết đối với phần này. Đối với yêu cầu này, ông Đặng Quý T cũng đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã chuyển vụ án trên về Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng giải quyết. Ông Đặng Quý T cho rằng việc nhập thành vụ án dân sự là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về Tố tụng hành chính, Tố tụng dân sự thì việc Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn chuyển hồ sơ vụ án hành chính về Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng giải quyết cùng một vụ án dân sự là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

[9] Đất thuộc xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn gồm:

[10] Thừa đất số 31 tờ bản đồ số 89, có diện tích 751,2m² là đất ở tại nông thôn đã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243908 ngày 18/02/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C; các thửa đất số 35,36,42,43,49 tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 4.160,5m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243909 ngày 18/02/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C; thửa đất số 56, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 5.165,3m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243910 ngày 18/02/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C. Các thửa đất trên đều được ông Đặng Quý C kê khai cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 trong tổng diện tích 20.838m² mang tên ông Đặng Quý C. Nhận thấy, năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện H đã công nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Quý C mà khi đó cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A vẫn còn sống nên đây xác định không phải là di sản thừa kế, đây là tài sản riêng của ông Đặng Quý C. Mặt khác, năm 1997, tại xã

thực hiện việc cấp đồng loạt, xã đã tiến hành niêm yết công khai nhưng không có ai thắc mắc hay khiếu nại do đó không có căn cứ để chia các thửa đất trên theo pháp luật.

[11] Thửa đất số 109 tờ bản đồ số 91, có diện tích 8.903,4m² hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai tuy nhiên thửa đất 109 trước đây được gộp bởi hai thửa đất 50 và 52 tờ bản đồ số 01 xã Y đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 ngày 20/02/1997 cho ông Đặng Quý C. Đối với thửa đất này, năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện H đã thu hồi diện tích 2.487,6m² theo Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Cải tạo, nâng cấp, xây mới và bồi thường giải phóng mặt bằng Trường bắn, thao trường huấn luyện Sư đoàn BB3/QK1 và người đứng ra nhận tiền bồi thường với nhà nước là ông Đặng Quý C. Do đó, không có căn cứ để cho rằng thửa đất số 109 tờ bản đồ số 91 là di sản thừa kế.

[12] Thửa đất số 37 tờ bản đồ số 89 diện tích 3338,2m²; thửa đất số 13 tờ bản đồ số 91, diện tích 1602,7m² đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 579179 ngày 27/9/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C bà Hoàng Thị Y. Thửa đất số 14, tờ bản đồ 91, diện tích 3545,8m² và thửa đất số 79, tờ bản đồ 91, diện tích 969,6m² đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 579180 ngày 27/9/2013 mang tên hộ ông Đặng Quý C bà Hoàng Thị Y. Xét thấy, các đương sự cho rằng các thửa đất trên có nguồn gốc của cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A để lại tuy nhiên trong sổ mục kê và bản đồ giải thửa năm 1988 của xã Y, trên bản đồ giải thửa không thể hiện các thửa đất trên đến năm 2010 đo đạc bản đồ địa chính, các thửa đất trên thể hiện ông Đặng Quý C là người quản lý sử dụng thực tế, không có ai tranh chấp nên Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Đặng Quý C, nên đây không phải là di sản thừa kế.

[13] Xét thấy, đối với các thửa đất trên, ông Đặng Quý C đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997, trước thời điểm cụ Đặng Quý H1 và cụ Nguyễn Thị A chết, do vậy đây không còn là di sản thừa kế để chia. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 được thực hiện cấp đồng loạt theo quy định không phải cấp riêng cho hộ gia đình, cá nhân nào, nhưng cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A lại không có ý kiến hay khiếu nại gì. Khi cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A chết và trước thời điểm bà Đặng Hồng P khởi kiện tại Tòa án, các anh chị em trong gia đình không có khiếu nại hay khởi kiện. Đồng thời, trong chúc thư và di chúc của bố mẹ bà Đặng Hồng P cũng đã ghi rõ, theo Án lệ số 24/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các thửa đất trên gia đình ông Đặng Quý C được chia từ khi bố mẹ còn sống, đã sử dụng ổn định và cấp giấy chứng nhận nên coi đây không phải là di sản thừa kế.

[14] Thửa đất số 28, tờ bản đồ 91 diện tích 241,6m² và thửa đất số 19, tờ bản đồ 91 diện tích 262,2m² là đất trồng cây hàng năm khác nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tại Công văn số 61/CV-UBND ngày

11/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã Y cho biết: Theo bản đồ đo đạc năm 1988 và sổ mục kê ruộng đất năm 1990 của xã Y không thể hiện thửa đất này trước đây do ai khai phá, quản lý. Đến năm 2010, xã Y đo lại bản đồ địa chính và theo Sổ mục kê ruộng đất năm 2014, hai thửa đất này do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý nhưng sử dụng thực tế là ông Đặng Quý C. Như vậy, không có căn cứ nào xác định đây là di sản thừa kế của cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A nên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế.

[15] Đất trước nay thuộc xã Y nay thuộc xã Y1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn:

[16] Thửa đất 41, tờ bản đồ số 68, diện tích 780m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số AA 454359 từ năm 2004 cho ông Đặng Quý S1; thửa đất số 49, tờ bản đồ số 68, diện tích 835m² do ông Lương Văn L kê khai, quản lý sử dụng từ năm 2003; thửa đất số 59, tờ bản đồ số 68, diện tích 2035m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 454384 vào năm 2004 cho ông Nguyễn Văn N; thửa đất số 89 tờ bản đồ số 68 diện tích 441m²; thửa đất 97, tờ bản đồ số 68 diện tích 625m² do ông Phạm Vũ L vợ là Nguyễn Thị T1 kê khai, quản lý sử dụng từ năm 2003. Xét thấy, đối với diện tích đất của ông Đặng Quý S, Nguyễn Văn N, Lương Văn L, bà Nguyễn Thị T1 đang sử dụng đều nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của riêng ông Đặng Quý C. Ông Đặng Quý C được Nhà nước xác lập quyền sử dụng hợp pháp và là tài sản của ông Đặng Quý C, không còn là tài sản, di sản của cụ Đặng Quý H1, cụ Nguyễn Thị A. Đồng thời sự chuyển dịch đất vào trước thời điểm trước khi các cụ chết, do đó việc ông Đặng Quý C, hay cụ Đặng Quý H1, cụ Nguyễn Thị A chuyển nhượng hoặc tặng cho là do ông Đặng Quý C và bố mẹ thỏa thuận, quyết định, định đoạt.

[17] Giấy chúc thư của cụ Đặng Quý H1 được lập ngày 12/4/2002, do cụ viết tại khu L, thị trấn H, huyện H với nội dung: *“Tôi có 04 con trai và 03 con gái, tôi viết di chúc để lại cho các con như sau: 1. Đặng Quý B (con trai cả) xây dựng gia đình năm 1964 ở riêng về quê, nên không có phần; 2. Đặng Quý C chia cho tài sản trong điều xóm L, xã Y; 3. Đặng Quý C cho một mảnh đất theo giấy chia tài sản ngày 30/5/1993 đất cho để ở không được bán, không cho gì nữa; 4. Đặng Quý H đã có công nuôi dưỡng bố mẹ được hưởng toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại gồm có: Nhà đất ở ngã tư thuộc khu A, thị trấn H; nhà đất mua của ông T toàn bộ nhà ngôi năm gian và công trình phụ; đất vườn cây lưu niên hai ao thả cá; ba con gái không có phần. Tôi viết giấy này sau tôi chết để lại cho con làm bằng khi ông bà chết không phát tang cho vợ chồng con cái thằng C, không phát tang cho vợ chồng con cái con P”*. Cuối chúc thư có chữ ký Đặng Quý H1 và có xác nhận của Trưởng khu N (là ông Nguyễn Hồng Đ) ngày 01/5/2002; xác nhận Ủy ban nhân dân huyện H (là ông Nguyễn Mạnh H) ngày 03/5/2002.

[18] Giấy di chúc của cụ Nguyễn Thị A được lập ngày 09/6/2009 do anh Đặng Quý T1 viết với nội dung: *“Tôi là Nguyễn Thị A ... do tuổi đã cao nên tôi giao cho cháu nội tôi là Đặng Quý T1 ... viết bản chúc thư thay tôi ... ngày 12/4/2002, chồng tôi là Đặng Quý H1 ... đã để lại di chúc và được Ủy ban nhân*

dân thị trấn H chứng thực ngày 03/5/2002 và tôi cũng đồng ý với di nguyện của chồng tôi trước khi mất...3. Đặng Quý C: Không cho 01 mảnh đất theo giấy chia tài sản ngày 30/5/1993, đất này cho cháu Đ được ở chứ không được bán, ngoài ra tôi không cho gì nữa... Tôi viết giấy này để lại tài sản cho các con sau khi tôi chết". Cuối chúc thư có điểm chỉ của bà Nguyễn Thị A, chữ ký của người làm chứng anh Đặng Quý T1, chữ ký của người làm chứng ông Nguyễn Văn H, ông Nông Đức L, ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Hồng Đ và chị Nguyễn Thị N, có xác nhận của Trưởng khu N (là ông Nguyễn Hồng Đức) ngày 09/6/2009; xác nhận Ủy ban nhân dân huyện H (là ông Ninh Ngọc T) ngày 02/7/2009. Giấy di chúc này do ông Đặng Quý H cung cấp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/4/2018, bà Đặng Hồng P có cung cấp cho Tòa án một giấy di chúc của cụ Nguyễn Thị A, các nội dung đều như trên tuy nhiên tại mục 3 ghi: *"Đặng Quý C: Cho 01 mảnh đất theo giấy chia tài sản ngày 30/5/1993, đất này chỉ được ở chứ không được bán, ngoài ra tôi không cho gì nữa"* (bút lục 241).

[19] Xét thấy, chúc thư của cụ Đặng Quý H1 và di chúc của cụ Nguyễn Thị A đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 630, 631 Bộ luật Dân sự năm 2015, nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Mặt khác, nội dung của hai di chúc đều giống nhau chỉ khác nhau tại mục 3, di chúc đều thể hiện đúng ý nguyện của các cụ do vậy cần ghi nhận các nội dung của bản di chúc. Tuy nhiên, tại mục 3 có sự thay đổi và nội dung thay đổi không được Ủy ban nhân dân xã xác nhận về vấn đề này nên theo quy định của pháp luật phần thay đổi này là vô hiệu. Phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng cụ Đặng Quý H1, cụ Nguyễn Thị A chỉ có quyền định đoạt đối với $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung tuy nhiên tại thời điểm các cụ Đặng Quý H1, cụ Nguyễn Thị A chết, không ai có ý kiến gì về việc này và việc định đoạt là đúng ý nguyện của các cụ nên cần ghi nhận các nội dung tại chúc thư và di chúc là hợp pháp. Theo đó, các thửa đất tại khu N cần tuyên cho ông Đặng Quý H được quyền quản lý sử dụng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[20] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T đối với Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[21] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trong hồ sơ thiếu các bút lục 359, 360, 361, 399, 531, 532, 561, 711, 915, 994 đối chiếu theo bảng kê hồ sơ các tài liệu trên rất quan trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Thấy rằng, các bút lục 399, 711, 915, 994 trong bảng kê đều thể hiện không có những bút lục này do trong quá trình đánh số bút lục có sự sai sót. Còn các bút lục 359, 360, 361, 531, 532, 561 kiểm tra đã có trong hồ sơ, không có việc thiếu các bút lục trên.

[22] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

[23] Ngày 07/3/2018, bà Đặng Hồng P đã có đơn đề nghị Tòa án đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tòa án thông báo cho bà Đặng Hồng P

nộp số tiền tạm ứng chi phí thẩm định là 55.000.000 đồng (bút lục 254) tuy nhiên đến ngày 10/01/2019 tại giấy giao trả một phần tiền chi phí tiến hành tố tụng, Tòa án đã trả lại cho bà Đặng Hồng P số tiền 30.000.000 đồng (bút lục 674b). Ngày 15 và 16/5/2018, Hội đồng tiến hành chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 9.931.000 đồng; số tiền còn thừa là 15.069.000 đồng, Tòa án đã thông báo cho bà Đặng Hồng P đến nhận số tiền trên tuy nhiên bà không đến nhận và cho rằng Thẩm phán sơ thẩm thực hiện chi phí xem xét thẩm định không đúng. Xét thấy, căn cứ vào danh sách chi tiền của Hội đồng ngày 15 và 16/5/2018, các khoản chi thuê xe, nước uống, tiền bồi dưỡng cho cán bộ là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng P không được Tòa án chấp nhận nên bà phải chịu 9.931.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cấp sơ thẩm đã nhận định nội dung này nhưng không tuyên tại phần Quyết định của Bản án là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Đối với số tiền 15.069.000 đồng, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đề nghị bà Đặng Hồng P nhận lại số tiền trên nhưng bà Đặng Hồng P không nhận do đó Tòa án cấp phúc thẩm sẽ chuyển số tiền trên về Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để lưu giữ theo quy định, bà Đặng Hồng P sẽ có trách nhiệm nhận lại số tiền 15.069.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[24] Ngày 24/6/2019, ông Đặng Quý H đã có đơn đề nghị Tòa án đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bổ sung. Tòa án thông báo cho ông Đặng Quý H nộp số tiền tạm ứng chi phí thẩm định là 10.580.000 đồng. Ngày 05 và 23/7/2019, Hội đồng tiến hành chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 10.580.000 đồng. Đối với số tiền này, ông Đặng Quý H tự nguyện chi và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[25] Đối với số tiền chi phí giám định hết 4.000.000 đồng, ông Đặng Quý H tự nguyện chi và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[26] Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận; đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận

[27] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng P không được chấp nhận nên bà Đặng Hồng P phải chịu án phí sơ thẩm tuy nhiên bà Đặng Hồng P là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên bà Đặng Hồng P không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Hồng P số tiền 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04596 ngày 07/12/2017 và AA/2015/0001007 ngày 21/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Ông Đặng Quý H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì

tài sản ông Đặng Quý H đã được định đoạt mà bố mẹ để lại không phải chia theo pháp luật. Cấp sơ thẩm buộc ông Đặng Quý H phải chịu 112.673.866 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

[28] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản sơ thẩm nên bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng mà các đương sự đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[29] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T; sửa nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về phân chi phí tố tụng và án phí, cụ thể:

Căn cứ Điều 649; 652; khoản 2, 3 Điều 653; các Điều 655; Điều 659; khoản 1, 3, 4 Điều 670 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Các Điều 646; khoản 2, 4 Điều 650; các Điều 652; 656; 657; khoản 1, 3, 4 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 74; khoản 1,5 Điều 147; Điều 157; các Điều 165; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Hồng P gồm yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A theo pháp luật và yêu cầu hủy 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 975856 cấp ngày 20/02/1997 mang tên ông Đặng Quý C; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 579179, số BK 579180 cấp cho hộ ông Đặng Quý C bà Hoàng Thị Y cùng ngày 27/9/2013; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 243908 mang tên ông Đặng Quý C, số BG 243909 mang tên hộ ông Đặng Quý C, số BG 243910 mang tên hộ ông Đặng Quý C, cấp cùng ngày 18/02/2013.

2. Chúc thư của cụ Đặng Quý H1 lập ngày 12/4/2002 và di chúc của cụ Nguyễn Thị A lập ngày 09/6/2009 là hợp pháp và chia tài sản thừa kế theo di chúc, trừ phần di chúc bị vô hiệu và phần tài sản không còn là di sản thừa kế tại thời điểm cụ Đặng Quý H1 và Nguyễn Thị A chết. Cụ thể: Ông Đặng Quý H đã được hưởng và sở hữu quản lý các tài sản gồm:

Toàn bộ tài sản là nhà, đất, tài sản trên đất tại khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 191871 cấp ngày 15/11/1993 mang tên cụ Đặng Quý H1, gồm 02 thửa đất, cụ thể:

- Thửa đất số 03 diện tích 1.915m², tờ bản đồ số 41 (trong đó có 150m² đất ở và 1.765m² đất vườn) hiện nay là thửa đất số 62 tờ bản đồ 07, tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Bắc giáp đất hộ ông Công Xuân C dài 70,35m;
- + Phía Nam giáp đất hộ ông Đặng Quý T dài 80,45m
- + Phía Tây giáp đường B dài 35,9m
- + Phía Đông giáp đất hộ ông Đặng Quý T dài 7m.

- Thửa đất số 05 tờ bản đồ số 41, diện tích 400m², là đất Ao, tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Bắc giáp đất hộ ông Đặng Quý T
- + Phía Nam giáp đất hộ ông Phạm Ngọc X
- + Phía Đông giáp đất hộ ông Đặng Quý T
- + Phía Tây giáp đất hộ ông Đặng Quý T.

Trên 02 thửa đất có các tài sản như: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 1982 được nâng cấp sửa chữa lại vào năm 2016; tường xây gạch, mái lợp ngói đỏ, nền lát gạch hoa, khung cột nhà xà, kèo hoành nghiêng, cửa đi cửa sổ trần gỗ Đinh, sân trước nhà, nhà kho, nhà tắm, tường rào, giếng khoan, cổng sắt. Trên đất có 35 cây Nhãn, 13 cây Đào, 01 cây Sấu, 03 cây Xoài, 03 cây Cau, 03 cây Quất hồng bì, 08 cây Si, 04 cây Chuối, 12 cây Vải, 02 cây Táo, 01 cây Chanh, 02 cây Bưởi, 24 cây Hoàng Đàn, 01 cây Hồng Xiêm, 01 cây Sưa, 05 cây Mít, 01 cây Đào tiên.

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 thị trấn H, huyện H diện tích 1.663m² là đất nuôi trồng thủy sản, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 ngày 16/6/2009 mang tên cụ Nguyễn Thị A. Tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Bắc giáp thửa đất số 05
- + Phía Nam giáp đất hộ ông O
- + Phía Đông giáp thửa đất số 05
- + Phía Tây giáp đất hộ ông L, hộ bà T, hộ ông N, hộ ông H và hộ ông Đ.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đặng Quý T đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 802918 đối với thửa đất số 26 tờ bản đồ 14 mang tên bà Nguyễn Thị A.

4. Về chi phí tố tụng

Bà Đặng Hồng P phải chịu 9.931.000 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Đặng Hồng P đã nộp 25.000.000 đồng nay còn thừa số tiền 15.069.000 đồng, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ chuyển số tiền trên về Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn để lưu giữ theo quy định. Bà Đặng Hồng P được nhận

lại số tiền 15.069.000 đồng (mười năm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về án phí

5.1. Về án phí sơ thẩm

Bà Đặng Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đặng Hồng P số tiền 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04596 ngày 07/12/2017 và AA/2015/0001007 ngày 21/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Đặng Quý H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí phúc thẩm

Bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng cho bà Đặng Hồng P, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quý T theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000182 ngày 20/12/2019; AA/2016/0000191 ngày 27/12/2019; AA/2016/0000193 ngày 27/12/2019; AA/2016/0000192 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Hữu Lũng, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự; người BVQL của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái